TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 38/2018/DSST
Ngày 26/01/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập -Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Dương Hiền Huệ**;

Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Ngân**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Ngọc**- Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 466/2017/TLST-DS ngày 03/11/2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXX-ST ngày 04/01/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2018/QĐST-DS ngày 18/01/2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Dạ T** – sinh năm 1971

Cư trú: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: ***Phạm Ngọc D***, sinh năm 1972.

Cư trú: ấp C, xã E, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

* Bị đơn: **Bùi Thị Tuyết H** – sinh năm 1973;

Trần Ngọc H1 – sinh năm 1973

Cùng cư trú: ấp F, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Anh D, chị H có mặt; anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai,biên bản hòa giải, đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Ngọc D trình bày*:

Ngày 14/8/2016 chị T có cho vợ chồng anh Trần Ngọc H1, chị Bùi Thị Tuyết H mượn số tiền 77.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn mượn là 02 tháng,

anh Trần Ngọc H1, chị Bùi Thị Tuyết H có làm giấy mượn tiền đề ngày 14/8/2016 giao cho chị T giữ, đã hết thời hạn 02 tháng trả nợ đến nay vợ chồng anh H1, chị Tuyết H không trả cho chị T một khoản tiền nào, mặc dù chị T có đòi nhiều lần. Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Ngọc H1, chị Bùi Thị Tuyết H phải trả cho chị số tiền vốn 77.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật, thời hạn tính lãi kể từ ngày 14/10/2016 đến ngày 14/9/2017 là 11 tháng x 0,83%/tháng = 7.030.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 84.030.000đ, thời gian trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Bùi Thị Tuyết H trình bày:*

Chị và anh Trần Ngọc H1 là vợ chồng. Chị và chị T có làm ăn chung với nhau, chị T có đưa cho chị mượn số tiền 77.000.000đ, nhưng do làm ăn thất bại nên không có tiền trả. Trong thời gian mượn tiền, chồng chị là anh Trần Ngọc H1 có trả cho chị T 02 lần tiền là 30.000.000đ và chị trả 02 lần là 8000.000đ, tổng cộng số tiền trả cho chị T là 38.000.000đ. Khi chị mượn tiền anh H1 không biết nhưng sau này anh H1 biết chị mượn tiền nên anh đã trả cho chị T được 30.000.000đồng nhưng không có làm giấy tờ trả tiền. Nay, vợ chồng chị đồng ý trả cho chị T số tiền 77.000.000đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng trả một lần, chị xin trả hàng tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Chị xin không phải trả tiền lãi.

** Bị đơn anh Trần Ngọc H1 vắng mặt, tại bản tự khai, anh H1 trình bày:*

Anh có quen biết chị T, trong lần vợ anh dẫn chị T về nhà chơi, sau đó khoảng hai tháng sau, vợ anh có nói rằng có mượn chị T số tiền 77.000.000đ lúc đó anh không hay biết, thời gian sau anh có trả tiền thay cho vợ anh 02 lần: 20.000.000đ và 2 lần 10.000.000đ tổng cộng là 30.000.000đ, còn vợ anh đưa riêng cho chị T 2 lần mỗi lần 4.000.000đ, tổng cộng là 38.000.000đồng. Nay do hoàn cảnh khó khăn, tất cả mọi việc trong gia đình đều do vợ anh gánh vác kính mong Tòa án xem xét cho vợ anh trả hàng tháng là 1.000.000đ cho đến khi hết nợ. Anh hứa cùng vợ là chị Bùi Thị Tuyết H sẽ lo trả đầy đủ cho chị T.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Phạm Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu anh Trần Ngọc H1, chị Bùi Thị Tuyết H phải trả cho chị T số tiền vốn 77.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật, thời hạn tính lãi kể từ ngày 14/10/2016 đến ngày xét xử 26/01/2018 là 15 tháng x 0,83%/tháng = 9.586.000đ. Tổng cộng vốn và lãi 86.586.000đ. Trả 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Chị H vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như nêu trên.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Việc giải quyết vụ án: giữa chị T, chị H, anh H1 có lập hợp đồng vay tài sản ngày 14/8/2016 số tiền 77.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn mượn 02 tháng, đến hạn trả nợ vợ chồng anh H1, chị H không trả khoản tiền nào. Nay, chị T yêu cầu anh H1, chị H trả số tiền 77.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định từ ngày cho vay đến ngày xét xử, trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Chị H thừa nhận có vay số tiền trên nhưng xin trả dần hàng tháng 1.000.000đồng đến khi hết nợ.

Nhận thấy, việc xin trả dần của bị đơn gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn. Anh H1 cho rằng chị H vay số tiền trên, anh không biết là không có cơ sở bởi lẽ, anh H1, chị Hòa sống chung là vợ chồng, anh cũng thừa nhận biết chị H vay tiền mục đích để kiếm thu nhập trang trãi cuộc sống gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 77.000.000đồng và trả lãi, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: anh Trần Ngọc H1 có đơn xin vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh H1.

Quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa chị T, chị H và anh H1 là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét, giải quyết theo Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Phạm Ngọc D cho rằng, anh H1, chị H có mượn chị T số tiền 77.000.000đồng, có làm giấy mượn tiền, thời gian mượn hai tháng nhưng đến nay anh chị vẫn không trả. Chị H thừa nhận có mượn số tiền 77.000.000đồng nhưng chị và chồng chị là anh Trần Ngọc H1 cho rằng có trả số tiền 38.000.000đồng nhưng không có làm giấy tờ. Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị H đồng ý trả số tiền 77.000.000đồng.

Xét yêu cầu của đại diện ủy quyền nguyên đơn, yêu cầu anh Trần Ngọc H1, chị Bùi Thị Tuyết H phải trả cho chị Thảo số tiền vốn 77.000.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật, thời hạn tính lãi kể từ ngày 14/10/2016 đến ngày xét xử 26/01/2018 là 15 tháng x 0,83%/tháng = 9.586.000đồng, tổng cộng vốn và lãi 86.586.000đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, bởi lẽ các đương sự đã thừa nhận. Tại phiên tòa, chị H xin trả hàng tháng 1000.000đồng cho đến khi hết nợ và xin không phải trả lãi, yêu cầu này không được đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng ý.

Anh Trần Ngọc H1 vắng mặt, tại bản tự khai ngày 25/12/2017, anh H1 cho rằng không có mượn số tiền 77.000.000đồng, anh chỉ nghe vợ là chị Bùi Thị Tuyết H nói lại có mượn chị T số tiền nêu trên, sau đó anh là người trực tiếp trả cho chị T số tiền vốn là 30.000.000đồng. Chị H cũng cho rằng, khi mượn tiền anh H1 không biết nhưng chị mượn tiền để làm ăn, để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình và anh chị là vợ chồng nên anh H1 cũng phải có trách nhiệm cùng chị Hòa trả số tiền vốn và lãi nêu trên là có căn cứ. Việc anh H1, chị H cùng cho rằng anh chị có trả cho chị T số tiền 38.000.000đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H và anh H1 phải chịu án phí theo định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468, khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Dạ T.

Buộc chị Bùi Thị Tuyết H và anh Trần Ngọc H1 cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Dạ T số tiền vốn 77.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/10/2016 đến ngày xét xử (26/01/2018) là 15 tháng x 0,83%/1 tháng = 9.586.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 86.586.000đồng *(Tám mươi sáu triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn đồng)*. Thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp chị H, anh H1 chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Chị Bùi Thị Tuyết H và anh Trần Ngọc H1 phải chịu số tiền 4.329.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại chị Nguyễn Thị Dạ T số tiền 2.100.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 35964 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh H1 kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.